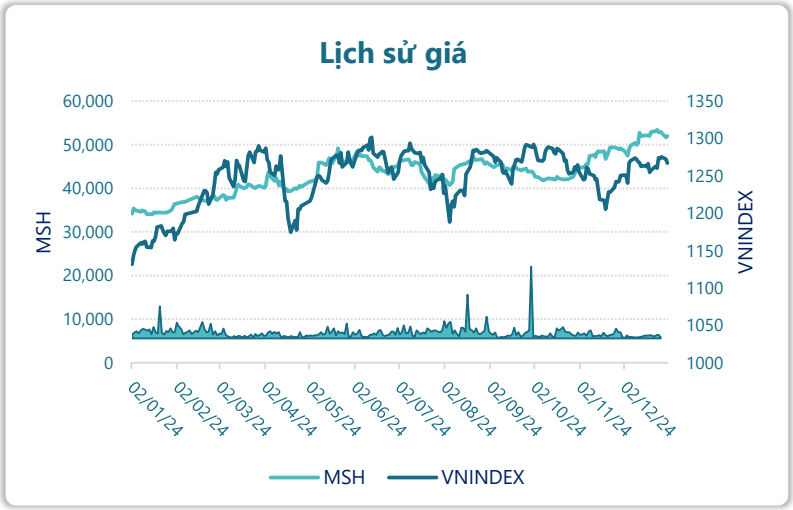
FireAnt

CTCP May Sông Hồng (HSX: MSH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**52,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	53,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,062
SL cổ phiếu LH	75,014,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	274,205
% sở hữu nước ngoài	5.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,901
P/E	8.9
EPS	5,854

DT thuần

Q4/24

1,428

tỷ VNĐ

QoQ: ▼320| -18.3%

YoY: ▲ 271| 23.5%

LN sau thuế

Q4/24

170

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 31.0%

YoY: ▲ 88.7| 110%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.3%

+/- YoY: ▲ 3.5%

DT thuần

2024

5,280

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 738| 16.3%

LN sau thuế

2024

440

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 195| 79.4%

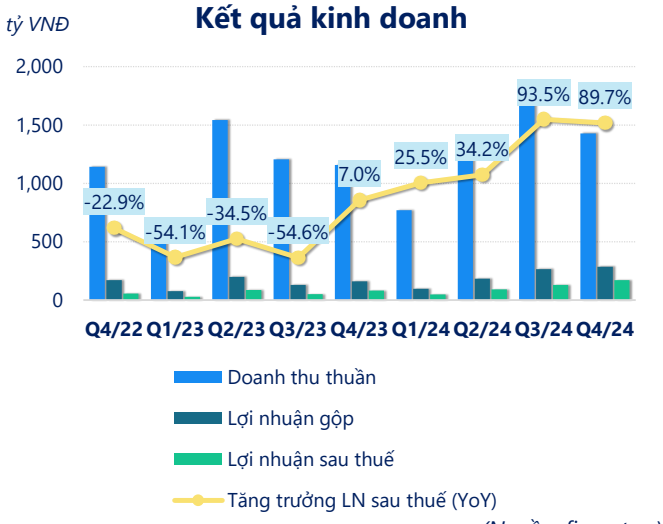
ROE

2024

22.7%

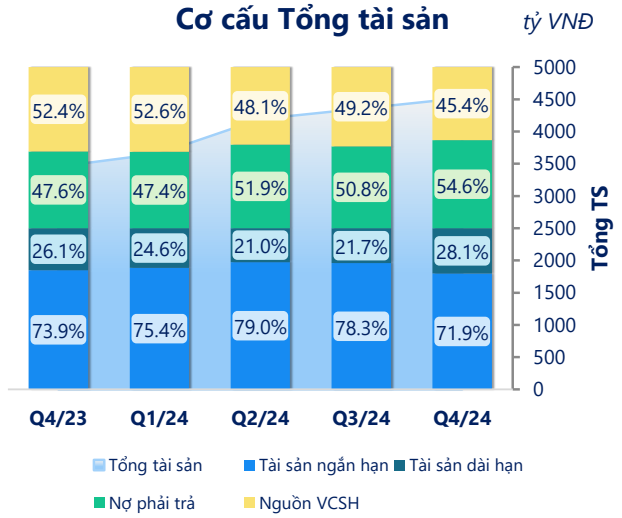
+/- YoY: ▲ 8.9%

Kết quả kinh doanh



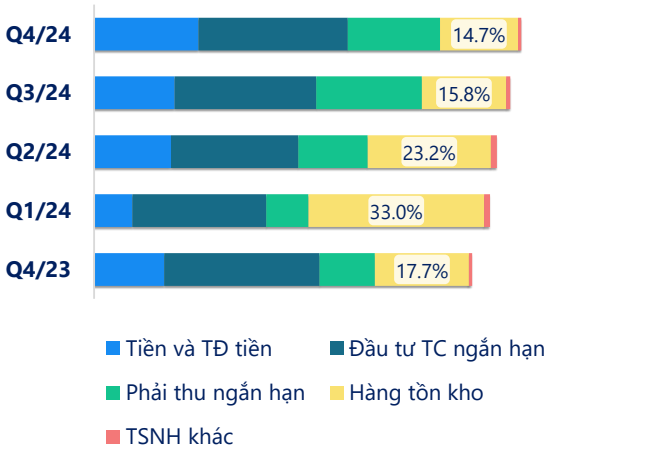
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



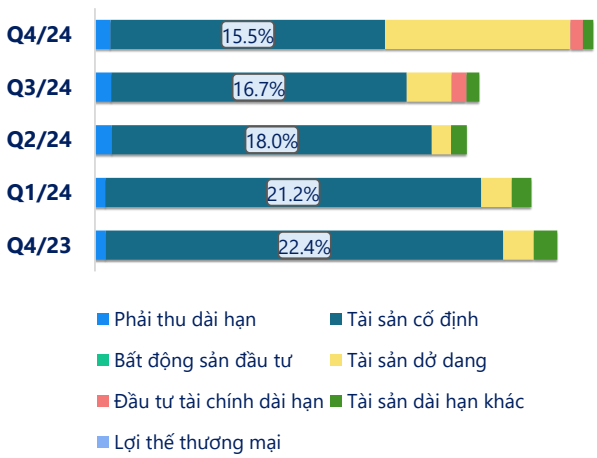
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



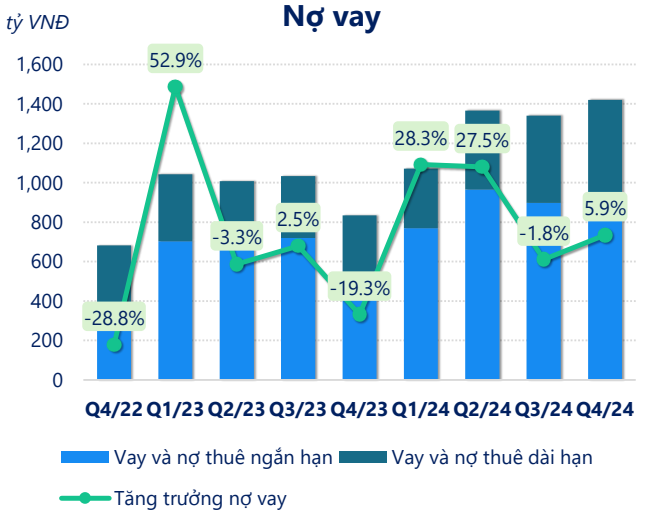
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



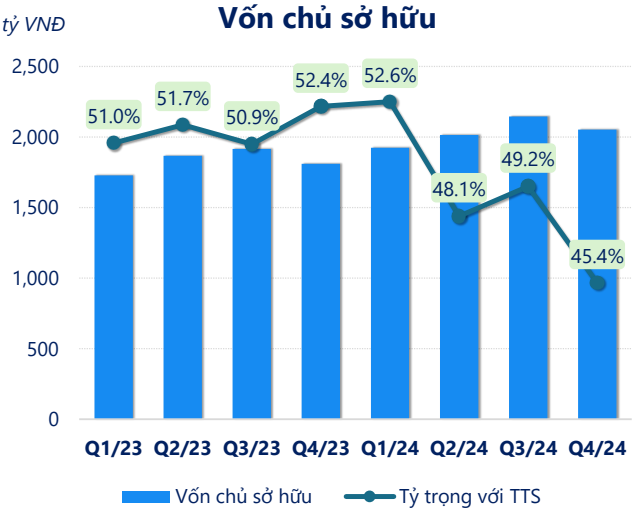
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



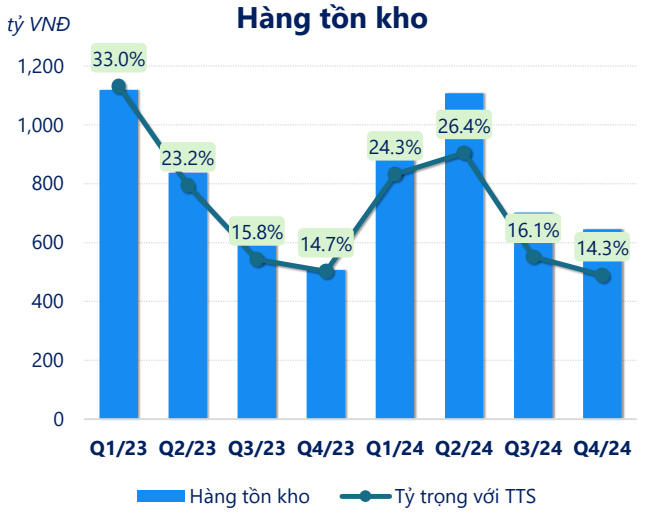
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



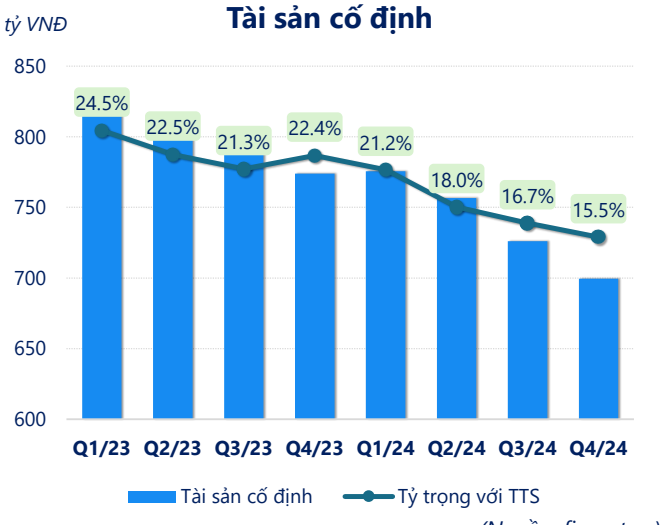
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



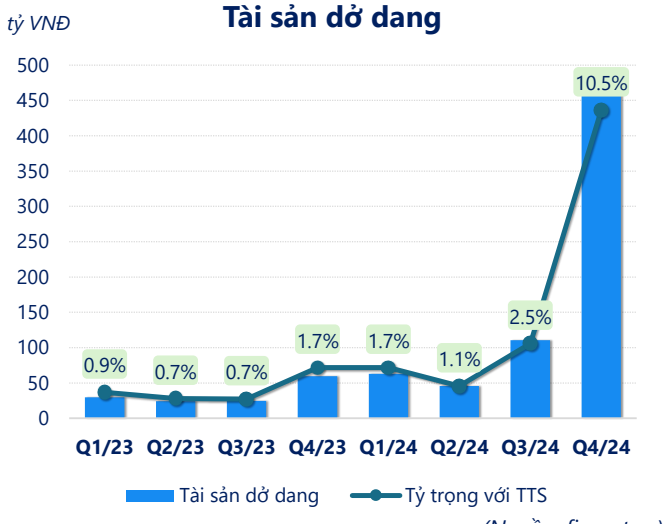
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



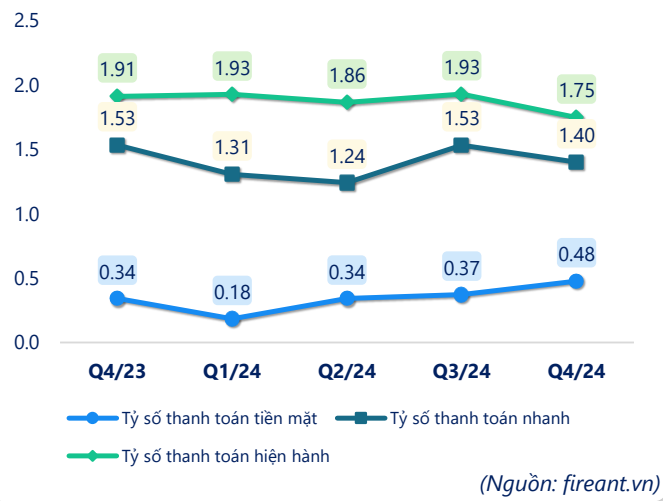
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



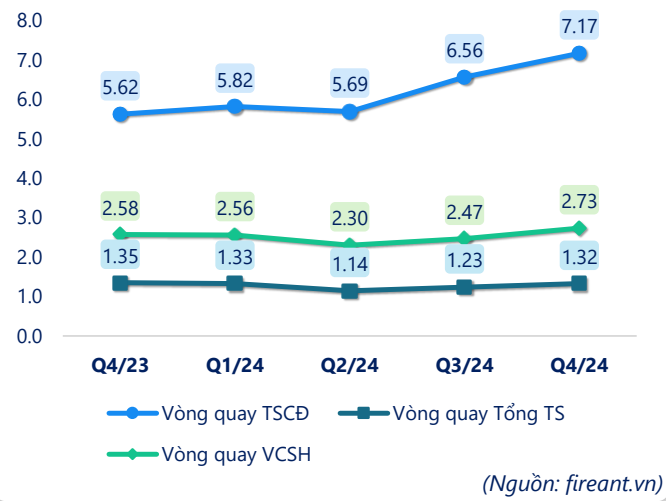
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**3,453**	**3,657**	**4,193**	**4,357**	**4,521**
Tài sản ngắn hạn	**2,553**	**2,756**	**3,313**	**3,412**	**3,250**
Tiền và tương đương tiền	455	263	607	660	886
Đầu tư tài chính ngắn hạn	971	1,141	629	907	653
Phải thu ngắn hạn	598	411	922	1,101	992
Hàng tồn kho	507	888	1,107	702	645
Tài sản ngắn hạn khác	21.6	52.4	48.4	43.1	73.1
Tài sản dài hạn	**900**	**901**	**880**	**945**	**1,271**
Phải thu dài hạn	21.4	21.4	40.0	40.0	40.0
Tài sản cố định	774	776	757	726	700
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	59.5	62.9	45.7	111	473
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	36.5	31.9
Tài sản dài hạn khác	45.8	40.8	37.6	31.7	26.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,643**	**1,733**	**2,178**	**2,212**	**2,468**
Nợ ngắn hạn	**1,335**	**1,431**	**1,778**	**1,769**	**1,860**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	527	769	966	899	813
Phải trả người bán ngắn hạn	123	238	195	119	193
Nợ dài hạn	308	302	400	442	608
Vay và nợ thuê dài hạn	308	302	400	442	608
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,810**	**1,924**	**2,015**	**2,145**	**2,053**
Vốn chủ sở hữu	**1,810**	**1,924**	**2,015**	**2,145**	**2,053**
Vốn điều lệ	750	750	750	750	750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)